

Số: /TTr-TNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH****Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn
và vùng phụ cận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện nhiệm vụ Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao, Cục Quản lý tài nguyên nước đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng phụ cận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Cục Quản lý tài nguyên nước kính trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG QUY HOẠCH

Lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng phụ cận là một trong các lưu vực sông lớn ở nước ta nằm ở khu vực Trung Trung Bộ, có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế khu vực miền Trung nói riêng và nước ta nói chung. Lưu vực có nguồn nước mặt khá phong phú và tiềm năng phát triển thủy điện. Nguồn nước ngoài cung cấp nước phục vụ thủy điện, sản xuất nông nghiệp, đây cũng là nguồn cung cấp nước cho hoạt động phát triển công nghiệp và sinh hoạt. Cũng như nhiều lưu vực sông khác tại Việt Nam, lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng phụ cận cũng đang phải đối mặt với nhiều vấn đề, thách thức liên quan đến tài nguyên nước. Cụ thể như sau:

1. Nguồn nước phân bố không đều theo cả không gian và thời gian:

Hàng năm, lưu vực sông nhận một lượng lớn nước mưa, tuy nhiên, lượng mưa này phân bố không đều theo cả không gian và thời gian. Lượng mưa thường tập trung nhiều phía thượng lưu sông Thu Bồn; phía sông Vu Gia và vùng đồng bằng ven biển (tập trung các thành phố lớn như Đà Nẵng, Hội An và Tam Kỳ) lượng mưa thấp hơn thường từ 2.000÷2.500 mm Cũng giống như mưa lượng dòng chảy phân bố không đều. Mùa lũ kéo dài khoảng 3 tháng với tổng lượng dòng chảy chiếm khoảng 65÷70% tổng lượng dòng chảy năm, lượng dòng chảy lớn nhất vào tháng 11 chiếm khoảng 27%, trong khi đó mùa cạn kéo dài 9 với tổng lượng dòng chảy mặt chỉ chiếm khoảng 30÷35% tổng lượng dòng chảy năm. Tổng lượng dòng chảy trung bình của ba tháng nhỏ nhất từ tháng 3 đến tháng 5 chiếm khoảng 8,45% tổng lượng dòng chảy năm. Mô đun dòng chảy nhỏ nhất biến đổi từ 4÷6 l/s.km². Việc nguồn nước mưa, nước mặt phân bố không đều theo thời gian ngoài gây khó khăn cho phát triển kinh tế như hạn hán, thiếu nước sản xuất, sinh hoạt trong mùa cạn và thiên tai lũ lụt trong mùa lũ. Dưới tác động của

biến đổi khí hậu, vấn đề này đang ngày càng diễn ra hết sức phức tạp với cường độ và tần suất ngày càng cao, dẫn đến việc mất cân bằng trong sử dụng nước, nơi thừa nước, nơi thiếu nước đã, đang và sẽ tiếp tục xảy ra.

2. Vấn đề xâm nhập mặn là một trong những vấn đề không nhỏ mà lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn đang phải đối mặt, đặc biệt trong những năm gần đây khi sự phát triển của thủy điện ở thượng nguồn kết hợp với biến đổi khí hậu dẫn đến tình trạng xâm nhập mặn trên lưu vực ngày càng diễn biến nghiêm trọng. Số liệu quan trắc độ mặn tại cửa thu nước của Nhà máy nước Cầu Đỏ nằm ở sông Yên – hạ lưu sông Vu Gia cho thấy trong 10 năm trở lại đây độ mặn có xu hướng tăng cả về số đợt bị nhiễm mặn và số ngày kéo dài trong một đợt, theo số liệu thông kê từ năm 2015÷2023 cho thấy năm 2015 có tới 76 ngày, năm 2016 có 146 ngày, năm 2018 có 70 ngày, năm 2019 có tới 166 ngày với độ mặn lớn nhất trong ngày lớn hơn 200mg/l, độ dài một đợt nhiễm mặn lớn nhất lên tới 43 ngày vào năm 2019. Nguồn nước mặt bị nhiễm mặn gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và căng thẳng trong việc cấp nước sinh hoạt cho thành phố Đà Nẵng hay việc nhiễm mặn trên sông Vĩnh Điện gần đây lên mức cảnh báo, gây ảnh hưởng đến các trạm bơm phục vụ nước tưới cho nông nghiệp của huyện Duy Xuyên, thị xã Điện Bàn và TP.Hội An.

3. Gia tăng nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải và ô nhiễm nguồn nước: Phát triển kinh tế và dân số kéo theo nhu cầu về năng lượng, tài nguyên thiên nhiên nói chung và nguồn nước nói riêng cũng tăng theo. Dự báo trong những năm tới, với tốc độ đô thị hóa tăng nhanh, các khu đô thị mới, các khu công nghiệp trên lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn đặc biệt phần hạ lưu sông Vu Gia – Thu Bồn phát triển rất mạnh, do vậy nhu cầu cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất trong tương lai là rất lớn. Những vấn đề này đặt ra áp lực không nhỏ đối với bảo đảm an ninh nguồn nước trên lưu vực sông Vu Gia- Thu Bồn, đặc biệt tại khu vực trung và hạ lưu, nơi tập trung phát triển đa dạng các loại hình kinh tế.

4. Căng thẳng về nguồn nước, đặc biệt trong thời kỳ mùa cạn: trên lưu vực hiện có công trình thủy điện điện Đăk Mi 4 xây dựng hồ chứa nước trên sông Vu Gia để phát điện và chuyển nước về sông Thu Bồn đã gây ra những căng thẳng về nguồn nước với địa phương ở hạ lưu sông Vu Gia trong thời gian qua. Việc chuyển nước cũng là một trong những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến việc cấp nước sinh hoạt cho thành phố này, hay việc các hồ chứa thủy điện lớn ở thượng nguồn vào mùa cạn thường tập trung phát điện vào những giờ cao điểm dẫn tới dòng chảy về hạ lưu bị biến đổi mạnh, gây ảnh hưởng tới việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp ở hạ lưu. Bên cạnh việc khai thác sử dụng nước chưa hợp lý gây ảnh hưởng đến tài nguyên nước, môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến chính đôi tượng khai thác thì nhiều công trình khai thác, sử dụng nước xuống cấp, thiếu đồng bộ gây lãng phí, thất thoát nước khá lớn.

5. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai: Hệ thống sông Vu Gia – Thu Bồn nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa miền Trung, giáp với Biển Đông, thường xuyên chịu gió bão và các hiện tượng thời tiết bất thường. Mỗi năm có khoảng từ 2÷3 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào lưu vực và chịu ảnh hưởng gián tiếp của khoảng

5÷6 cơn bão. Hiện tượng nóng lên toàn cầu đang gây hệ quả rõ rệt về biến đổi khí hậu và nước biển dâng trên nhiều khu vực. Theo nhiều nghiên cứu, Việt Nam được đánh giá là một trong năm quốc gia trên thế giới chịu những tác động tồi tệ do biến đổi khí hậu, nếu nước biển dâng lên 01 m thì có thể dẫn đến hơn 5% diện tích đất bị mất và có chừng 11% dân số phải di cư đến nơi khác. Biến đổi khí hậu, ở khu vực hệ thống Vu Gia – Thu Bồn có những biểu hiện như nhiệt độ tăng cao trong mùa hè, mưa lớn bất thường vào mùa mưa bão sẽ trở thành những rủi ro tiềm tàng khiến biến động mực nước và lưu lượng trên các đoạn sông phía hạ lưu trở nên lớn cả về tần số và cường độ. Nguy cơ lũ lụt và khô hạn do tác động từ biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự vận hành của các công trình hồ, đập chứa nước - thủy điện, đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng hạ lưu.

6. Chưa có quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, trong khi quy hoạch tổng hợp lưu vực sông là cơ sở cho việc lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác có nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt, kế hoạch bảo vệ nước dưới đất và điều hòa, phân phối tài nguyên nước.

Từ thực trạng và những thách thức nêu trên cho thấy, việc lập và phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng phụ cận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG QUY HOẠCH

Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng phụ cận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được lập theo các quy định của Luật Tài nguyên nước Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội; các Nghị quyết, Chiến lược, Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch các vùng, quy hoạch tỉnh, Quy hoạch tài nguyên nước (quốc gia) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các thông tin, số liệu, ý kiến đề xuất của các Bộ, ngành có liên quan và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên lưu vực (sau đây gọi chung là tỉnh).

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUY HOẠCH

1. Thực hiện nhiệm vụ Bộ, Cục Quản lý tài nguyên nước đã tổ chức triển khai xây dựng dự thảo Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng phụ cận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi chung là dự thảo Quy hoạch). Cục Quản lý tài nguyên nước đã tổ chức nhiều cuộc họp, làm việc nhằm trao đổi, tham vấn ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan trong và ngoài Bộ, các chuyên gia, các nhà khoa học, các tổ chức và chuyên gia quốc tế để xây dựng, hoàn thiện dự thảo Quy hoạch.

2.....

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và Hội đồng thẩm định, Cục Quản lý tài nguyên nước đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo

Quy hoạch, kính trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau:

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUY HOẠCH

1. Phạm vi quy hoạch

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Tại Điều 20 của Nghị định đã quy định danh mục lưu vực sông liên tỉnh phải lập quy hoạch trong đó quy định lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng phụ cận. Do đó, ngoài phần diện tích lưu vực sông Vu Gia Thu Bồn, Cục Quản lý tài nguyên nước đã bổ sung vùng phụ cận (bao gồm 4 (bốn) lưu vực sông: Cu Đê, Tam Kỳ, sông Trâu và Trường Giang) vào phạm vi lập quy hoạch, đồng thời thực hiện tính toán, phân tích, dự báo các vấn đề và định hướng quy hoạch cho vùng phụ cận. Như vậy, phạm vi quy hoạch là lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng phụ cận, thuộc phạm vi địa giới hành chính của các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Huế và Quảng Ngãi và được phân chia thành 4 (bốn) tiểu vùng quy hoạch gồm: Thượng lưu sông Vu Gia, thượng lưu sông Thu Bồn, hạ lưu sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng phụ cận

2. Quan điểm

- Tài nguyên nước phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tổng hợp theo lưu vực sông, nguồn nước, kết hợp với quản lý theo địa giới hành chính, thống nhất về số lượng và chất lượng; giữa nước mặt và nước dưới đất; giữa thượng lưu và hạ lưu, kết hợp với quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác.

- Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông được xây dựng trên cơ sở lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, xác định biến đổi khí hậu và nước biển dâng là xu thế tất yếu phải sống chung và chủ động thích ứng; gắn kết hiện trạng, định hướng sử dụng tài nguyên nước với tài nguyên đất, cơ cấu sử dụng đất và các tài nguyên thiên nhiên khác; là cơ sở cho việc lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác có nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt, kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, kích bản nguồn nước hằng năm và điều hòa, phân phối tài nguyên nước.

- Các nguồn nước trong vùng quy hoạch được định hướng là nguồn nước đa chức năng, phục vụ tổng hợp các mục tiêu cấp nước sinh hoạt; nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ; thủy điện; bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng và giá trị văn hóa; giao thông đường thủy; tạo cảnh quan, môi trường; phát triển du lịch; bảo vệ sự phát triển hệ sinh thái thủy sinh; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học; trữ, tiêu thoát lũ.

- Khai thác, sử dụng nước được quản lý theo chức năng của từng nguồn nước, gắn bảo vệ chất lượng nước, duy trì dòng chảy tối thiểu, ưu tiên sinh hoạt, phân bổ hợp lý giữa thượng lưu và hạ lưu và giữa các đối tượng khai thác, sử dụng nước. Tích trữ, điều hòa, phân bổ nguồn nước linh hoạt, tôn trọng quy luật tự nhiên, phù hợp với khả năng của nguồn nước. Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả,

đa mục tiêu, nâng cao giá trị sử dụng nước, bảo đảm an ninh nguồn nước và thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm việc chia sẻ nguồn nước giữa các ngành, các địa phương trên lưu vực.

- Bảo vệ tài nguyên nước trên cơ sở bảo vệ chức năng nguồn nước đáp ứng chất lượng nước cho các mục đích sử dụng, bảo vệ nguồn sinh thủy, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên lưu vực sông.

- Phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra với phương châm chủ động phòng ngừa là chính để giảm thiểu tối đa tổn thất, ổn định an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm an ninh nguồn nước trên lưu vực sông, tích trữ, điều hòa, phân phối tài nguyên nước một cách công bằng, hợp lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước gắn với bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên nước nhằm đáp ứng nhu cầu nước cho dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường. Bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và tác hại do nước gây ra, có lộ trình phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, đáp ứng yêu cầu quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông và thích ứng với biến đổi khí hậu. Từng bước hướng tới quản trị tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số thông qua Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực trong công tác quản lý tài nguyên nước.

3.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước hợp lý bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các địa phương, các đối tượng sử dụng nước trên lưu vực; khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nhằm nâng cao giá trị kinh tế của nguồn nước, bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu;

b) Bảo vệ nguồn nước mặt, nước dưới đất, bảo vệ chức năng nguồn nước, hành lang bảo vệ nguồn nước, nguồn sinh thủy, các nguồn nước có chức năng điều hòa (sông, hồ, ao, đầm, phá...), các nguồn nước có giá trị cao về đa dạng sinh học, lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng nhằm từng bước bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời kiểm soát được hoạt động xả nước thải vào nguồn nước từ các hoạt động sản xuất và nước thải sinh hoạt không ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước;

c) Bảo đảm lưu thông dòng chảy, phòng, chống sạt lở bờ, bãi sông, giảm thiểu tác hại do nước gây ra, phòng, chống sụt, lún mặt đất;

d) Từng bước phục hồi nguồn nước mặt bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nghiêm trọng, ưu tiên đối với các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội; phục hồi mực nước dưới đất tại các khu vực bị suy giảm quá mức;

đ) Quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước bảo đảm kết nối, chia sẻ với hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường, kết hợp bộ

công cụ hỗ trợ ra quyết định để đánh giá nguồn nước trên lưu vực, giám sát thực hiện quy hoạch, hỗ trợ điều hòa, phân phối nguồn nước trong vùng quy hoạch;

e) Phân đầu đạt được một số chỉ tiêu cơ bản của Quy hoạch, gồm:

- 100% công trình khai thác, sử dụng nước được giám sát vận hành và kết nối hệ thống theo quy định;

- Hoàn thành và công bố danh mục hồ, ao, đầm, phá có chức năng điều hòa, cấp nước, phòng, chống ngập úng, tạo cảnh quan, môi trường và bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học để quản lý, bảo vệ;

- 100% các nguồn nước liên tỉnh có tính chất quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch được công bố khả năng sức chịu tải;

- Hoàn thành việc lập và công bố hành lang bảo vệ nguồn nước;

- 100% khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả vào nguồn nước;

- Trên 50% nước thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường. Trong đó, 90% nước thải sinh hoạt đô thị của thành phố Đà Nẵng được thu gom và xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

- Bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy, đảm bảo tỉ lệ che phủ rừng theo quy hoạch ngành, các địa phương đã được phê duyệt.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

a) Duy trì, phát triển tài nguyên nước, điều hòa, phân phối nguồn nước bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu;

b) Tăng cường bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giảm thiểu tác hại do nước gây ra. Hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước được thực hiện theo phương thức trực tuyến trên nền tảng công nghệ số;

c) Điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số; xây dựng hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định, quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa theo thời gian thực;

d) Phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; ưu tiên phục hồi các dòng sông, đoạn sông cạn kiệt, không có dòng chảy, ô nhiễm nghiêm trọng; kết hợp phòng, chống sạt, lở bờ sông, suối có hiệu quả;

đ) Kiểm soát được ngập úng do triều, mưa, lũ thông qua các biện pháp phi công trình, công trình trữ nước tại các vùng ngập, vùng trũng;

e) Bổ sung và nâng cao một số chỉ tiêu của quy hoạch, quản lý tổng hợp tài nguyên nước phù hợp với giai đoạn phát triển của quốc gia, ngang bằng với các quốc gia phát triển trong khu vực; bảo đảm an ninh nguồn nước, nâng cao giá trị sử dụng nước phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới;

g) Bảo đảm phân bổ hài hòa lợi ích sử dụng nước giữa các địa phương, các ngành, lĩnh vực, giữa thượng lưu và hạ lưu; bảo đảm an ninh nguồn nước.

4. Nội dung chính của Quy hoạch

Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng phụ cận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, gồm có các nội dung chính như sau:

a) Định hướng điều hòa, phân phối tài nguyên nước gồm: các định hướng quản lý, điều hòa, phân phối nguồn nước; việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước phải được thực hiện dựa trên hiện trạng nguồn nước, kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông; điều hòa, phân phối tài nguyên nước trong trường hợp nguồn nước trên lưu vực sông ở trạng thái bình thường và trong trường hợp hạn hán, thiếu nước; khi xảy ra hạn hán, thiếu nước thực hiện phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước đảm bảo an toàn cấp nước cho sinh hoạt tại các đô thị; đảm bảo an toàn cấp nước cho hoạt động phát triển kinh tế và các hoạt động khác; ngưỡng giới hạn khai thác nước trên sông, suối và tầng chứa nước; công trình đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước.

b) Định hướng bảo vệ tài nguyên nước gồm: chức năng nguồn nước; Quản lý khai thác, sử dụng nguồn nước mặt bảo đảm dòng chảy tối thiểu trên sông; phòng, chống và phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và bảo vệ các nguồn nước mặt; bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy và bảo tồn đa dạng sinh học.

c) Định hướng phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra gồm: Quản lý các hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông; bảo vệ, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; Quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; phòng, chống và giảm thiểu tác hại do xâm nhập mặn và lũ lụt.

d) Xác định khu vực, nguồn nước cần ưu tiên lập kế hoạch chi tiết

5. Giải pháp thực hiện Quy hoạch

a) Tăng cường hoàn thiện thể chế, chính sách, các quy chuẩn về khai thác, sử dụng, tái sử dụng tài nguyên nước;

b) Điều hòa, phân phối, bảo vệ và phòng, chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra;

c) Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế.

6. Tổ chức thực hiện

Quy định phân công trách nhiệm cho các đơn vị, cơ quan liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các Bộ, địa phương cấp tỉnh liên quan quản lý, giám sát, tổ chức thực hiện Quy hoạch này.

V. Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ VIỆC TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

.....

VI. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH

- Báo cáo thuyết minh Quy hoạch;
- Báo cáo tóm tắt Quy hoạch;

- Dự thảo Tờ trình phê duyệt Quy hoạch;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Tập văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị và Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý;
- Bản đồ, sơ đồ Quy hoạch;

Cục Quản lý tài nguyên nước xin kính trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp (để báo cáo);
- Lưu: VT, VP, KTGS, NTB.

Châu Trần Vĩnh